

Số: 281/2019/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 28 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh năm 1987. Địa chỉ: Đường O, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Ông Võ Tuấn V, sinh năm 1981. Địa chỉ: Đường O, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 233, quyển số 01/2010 ngày 09/10/2010 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Võ Tuấn V là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Võ Tuấn V; Về con chung: có 02 con chung Võ Tuấn K, sinh ngày 17/5/2012 và Võ Tuấn Kh, sinh ngày 04/01/2016. Bà Tr và ông V thỏa thuận giao bà Tr trực tiếp nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Võ Tuấn V phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Võ Tuấn V thuận tình ly hôn.

Về con chung: bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Võ Tuấn V thoả thuận giao bà Tr trực tiếp nuôi 02 con chung Võ Tuấn K, sinh ngày 17/5/2012 và Võ Tuấn Kh, sinh ngày 04/01/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thoả thuận.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí thuận tình ly hôn: bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Võ Tuấn V phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được tính vào tạm ứng lệ phí do bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Võ Tuấn V đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0038003 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự; Lưu: VP, hồ sơ;
- UBND Phường A Quận T, TPHCM  
(Đề ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 233, quyền số 01/2010 ngày 09/10/2010 do UBND Phường A Quận T, TPHCM cấp).

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thụy Hồng Châu**